

Số: 10 /TTr-UBND

Bình Phước, ngày 11 tháng 02 năm 2025

TỜ TRÌNH

**Đề nghị thông qua Nghị quyết quy định một số nội dung, mức hỗ trợ
từ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia
xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước.

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020,

UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh Nghị quyết quy định một số nội dung, mức hỗ trợ từ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Phước (sau đây viết tắt là Nghị quyết), cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015.
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019.
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015.
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020.
- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015.
- Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước.
- Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.
- Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.
- Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (MTQG XDNTM) giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

- Thông tư số 75/2024/TT-BTC ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

- Thông tư số 07/2024/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình MTQG XDNTM giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG XDNTM giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định số 858/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông, lâm, thủy sản đến năm 2030.

- Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG XDNTM giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh, giai đoạn 2021-2025.

- Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm /2022 của HĐND tỉnh quy định về mức hỗ trợ và nguồn vốn ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình MTQG XDNTM giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Điều 1 và Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của HĐND tỉnh về mức hỗ trợ và nguồn vốn ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình MTQG XDNTM giai đoạn 2021-2025.



2. Cơ sở thực tiễn

Thực hiện Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình MTQG XDNTM giai đoạn 2021-2025 (sau đây viết tắt là Thông tư số 53/2022/TT-BTC), HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 quy định một số nội dung, mức hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình MTQG XDNTM giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND).

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 55/2023/TT-BTC về quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia đoạn 2021-2025 (sau đây viết tắt là Thông tư số 55/2023/TT-BTC) thay thế Thông tư số 53/2022/TT-BTC. Theo đó, một số quy định nội dung, mức chi trước đây phân cấp cho HĐND tỉnh quy định cụ thể nay theo Thông tư số 55/2023/TT-BTC không còn; một số quy định nội dung, mức chi có sự thay đổi (đã được cụ thể hóa trong Nghị quyết 06/2023/NQ-HĐND). Ngoài ra, Thông tư số 55/2023/TT-BTC có bổ sung một số quy định về nội dung, mức chi và phân cấp cho HĐND tỉnh quy định cụ thể.

Mặt khác, tại khoản 2 Điều 127 Thông tư số 55/2023/TT-BTC quy định:

“2. Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương và tình hình thực tế, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền nội dung, mức hỗ trợ từ nguồn vốn đối ứng của ngân sách địa phương để hỗ trợ thêm cùng với nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ theo quy định tại Thông tư này đảm bảo thực hiện có hiệu quả các chương trình.

Trường hợp trong quá trình triển khai thực hiện các chương trình có phát sinh các khoản chi đặc thù chưa được quy định trong các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và Thông tư này, HĐND cấp tỉnh xem xét, quyết định phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước”.

Do vậy, việc ban hành Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND là cần thiết và đúng thẩm quyền.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành Nghị quyết

Đảm bảo thực hiện đúng quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về Chương trình MTQG XDNTM.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết

- Việc xây dựng Nghị quyết phải đảm bảo về trình tự, thủ tục theo các nội dung quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm

2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Đảm bảo đúng quy định của Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG XDNTM giai đoạn 2021-2025, Thông tư số 55/2023/TT-BTC, Thông tư số 75/2024/TT-BTC ngày 31/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2023/TT-BTC (sau đây viết tắt là Thông tư số 75/2024/TT-BTC), Thông tư số 07/2024/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình MTQG XDNTM giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (sau đây viết tắt là Thông tư số 07/2024/TT-BNNPTNT).

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định cụ thể một số nội dung, mức hỗ trợ từ nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG XDNTM trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

b) Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo Thông tư số 55/2023/TT-BTC, Thông tư số 75/2024/TT-BTC, các văn bản liên quan của các Bộ, ngành ban hành và theo các nội dung quy định của Chương trình MTQG XDNTM giai đoạn 2021-2025.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng, quyết toán và thụ hưởng nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG XDNTM.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Thực hiện Công văn số 420/HĐND ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Thường trực HĐND tỉnh về việc phúc đáp Tờ trình số 160/TTr-UBND và Công văn số 4798/UBND-TH ngày 19 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh, UBND tỉnh đã giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tiến hành xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung, mức hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình MTQG XDNTM trên địa bàn tỉnh Bình Phước (Công văn số 4917/UBND-KT ngày 26 tháng 11 năm 2024).

Trên cơ sở chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tổ chức xây dựng dự thảo Nghị quyết, lấy ý kiến các địa phương, đơn vị có liên quan (tại Công văn số 3978/SNN-KTHT ngày 11 tháng 12 năm 2024) và có Báo cáo số 05/BC-SNN-KTHT ngày 10 tháng 01 năm 2025 tiếp thu, giải trình ý kiến đóng góp của các đơn vị, địa phương.

Sở Nông nghiệp và PTNT đã đề nghị Ủy ban mặt Trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh có ý kiến phản biện xã hội đối với dự thảo Nghị quyết (Công văn số



3979/SNN-KTHT ngày 11 tháng 12 năm 2024) và đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông hỗ trợ đăng tải dự thảo Nghị quyết (Công văn số 3980/SNN-KTHT ngày 11 tháng 12 năm 2024). Sở Thông tin và Truyền thông đã đăng tải từ ngày 11 tháng 12 năm 2024 để lấy ý kiến Nhân dân (đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của Nghị quyết).

Ủy ban mặt Trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh có Công văn số 437/MTTQ-BTT ngày 06 tháng 01 năm 2025 về việc tổng hợp ý kiến phản biện xã hội đối với dự thảo Nghị quyết. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã có Báo cáo số 06/BC-SNN-KTHT ngày 10 tháng 01 năm 2025 tiếp thu, giải trình. Sở Tư pháp đã thẩm định hồ sơ dự thảo Nghị quyết tại Báo cáo số 21/BC-STP ngày 20 tháng 01 năm 2025.

Trên cơ sở báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Nông nghiệp và PTNT đã tiếp thu, chỉnh sửa và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết và đề xuất UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét thông qua Nghị quyết tại Tờ trình số 17/TTr-SNN-KTHT ngày 23 tháng 01 năm 2025.

UBND tỉnh đã thông qua dự thảo Nghị quyết tại cuộc họp ngày 10/02/2025.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết gồm 4 Điều:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Điều 2. Nội dung và mức hỗ trợ

Điều 3. Nguồn vốn thực hiện

Điều 4. Tổ chức thực hiện

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định cụ thể một số nội dung, mức hỗ trợ từ nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

b) Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo Thông tư số 55/2023/TT-BTC, Thông tư số 75/2024/TT-BTC, các văn bản liên quan của các Bộ, ngành ban hành và theo các nội dung quy định của Chương trình MTQG XDNTM giai đoạn 2021-2025.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng, quyết toán và thụ hưởng nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG XDNTM.

Điều 2. Nội dung và mức hỗ trợ

1. Chi hỗ trợ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước

a) Nội dung và mức hỗ trợ

- Hỗ trợ 50% chi phí vật liệu, máy thi công và thiết bị để đầu tư xây dựng, lắp đặt hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn, mức hỗ trợ không quá 40 triệu đồng/ha.

- Hỗ trợ 50% chi phí để san phẳng đồng ruộng, mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/ha.

b) Điều kiện hỗ trợ

Tổ chức, cá nhân phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Đối với cá nhân: Quy mô khu tưới phải đạt từ 0,3 ha trở lên, riêng khu vực miền núi từ 0,1 ha trở lên; việc hỗ trợ cho cá nhân được thông qua hợp tác xã, tổ hợp tác có hoạt động dịch vụ thủy lợi;

- Đối với hợp tác xã, tổ hợp tác có hoạt động dịch vụ thủy lợi: Quy mô khu tưới phải đạt từ 02 ha trở lên, riêng khu vực miền núi từ 01 ha trở lên và phải có hợp đồng liên kết với hộ gia đình hoặc cá nhân trực tiếp sản xuất;

- Hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước phục vụ các loại cây trồng chủ lực của tỉnh, địa phương.

Lý do, cơ sở quy định:

- Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 127 Thông tư số 55/2023/TT-BTC

“2. Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương và tình hình thực tế, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền nội dung, mức hỗ trợ từ nguồn vốn đối ứng của ngân sách địa phương để hỗ trợ thêm cùng với nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ theo quy định tại Thông tư này đảm bảo thực hiện có hiệu quả các chương trình.

Trường hợp trong quá trình triển khai thực hiện các chương trình có phát sinh các khoản chi đặc thù chưa được quy định trong các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và Thông tư này, HĐND cấp tỉnh xem xét, quyết định phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước”.

- Căn cứ Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước:

“Điều 11. Trách nhiệm của địa phương

1. Trách nhiệm của HĐND cấp tỉnh

a) Ban hành quy định cụ thể mức hỗ trợ của từng chính sách theo khả năng cân đối của ngân sách và bố trí kinh phí hàng năm để thực hiện các chính sách theo quy định của Nghị định này.

b) Ban hành chính sách hỗ trợ đặc thù khác ngoài các chính sách đã quy định tại Nghị định này để hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước”.

- Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BTC ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình MTQG XDNTM giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

“Điều 4. Hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống thủy lợi và phòng chống thiên tai cấp xã, huyện đảm bảo bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu

1. Hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống thủy lợi cấp xã, huyện:

a) Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách, hướng dẫn hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống thủy lợi; hỗ trợ các nội dung chính sách phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước theo quy định tại Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ.

.....

đ) Thành lập, củng cố các tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi đảm bảo hoạt động hiệu quả, bền vững; Huy động sự tham gia của người dân, áp dụng khoa học công nghệ, tiến bộ kỹ thuật trong đầu tư, quản lý khai thác công trình thủy lợi; Bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực quản lý khai thác công trình thủy lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, vận hành công trình thủy lợi.

g) Xây dựng một số mô hình về tưới thông minh, tưới tiết kiệm nước làm cơ sở nhân rộng và đề xuất cơ chế, chính sách phù hợp”.

2. Chi hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, thôn, ấp; mô hình thu gom, tái chế, tái sử dụng chất thải hữu cơ, chất thải nông nghiệp, phụ phẩm nông nghiệp, chất thải nhựa và mô hình phân loại chất thải rắn tại nguồn ở nông thôn

a) Nội dung hỗ trợ

Thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 07/2024/TT-BNNPTNT.

b) Mức hỗ trợ: 70% kinh phí thực hiện được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với huyện miền núi, 50% đối với các huyện còn lại.

Lý do, cơ sở quy định:

- Điều 83 Thông tư số 55/2023/TT-BTC quy định: Hỗ trợ phát triển các mô hình quy mô hộ gia đình, cấp thôn

“1. Chi hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn theo quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nội dung cụ thể thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương, nội dung chi xây dựng, quản lý mô hình thực hiện theo quy định tại khoản 12, khoản 13 Điều 4 Thông tư này”

- Khoản 12, khoản 13 Điều 4 Thông tư số 55/2023/TT-BTC quy định:

“12. Chi hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, mô hình (không bao gồm các dự án, kế hoạch, phương án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất): Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương tối đa không quá 70% kinh phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình được phê duyệt đối với các huyện miền núi, không quá 50% kinh phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình được phê duyệt đối với các huyện còn lại.

Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, điều kiện thực tế của từng dự án, kế hoạch, phương án, mô hình, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và quy định tại Thông tư này; Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định mức hỗ trợ thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình do trung ương thực hiện; cơ quan phê duyệt dự án, kế hoạch, phương án, mô hình do địa phương thực hiện quyết định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình nhưng không vượt định mức hỗ trợ đã được HĐND cấp tỉnh quyết định...”

3. Chi hỗ trợ xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, chuyển đổi cơ cấu sản xuất góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp

a) Nội dung hỗ trợ

- Tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng, vùng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) hoặc tương đương; Hỗ trợ truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của tỉnh. Ưu tiên cấp mã vùng trồng cho vùng sản xuất đã được đánh giá chứng nhận vùng trồng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) và nông nghiệp hữu cơ.

- Mức hỗ trợ: 100% chi phí cho cá nhân, tổ chức.

b) Nội dung hỗ trợ

- Chứng nhận vùng trồng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) hoặc tương đương; hệ thống phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn (HACCP), hệ thống quản lý ISO 22000 theo chuỗi giá trị.

- Mức hỗ trợ: 80% tổng kinh phí cho một (01) dự án trên địa bàn các xã thuộc địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi; 70% tổng kinh phí cho một (01) dự án trên địa bàn các xã còn lại được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Lý do, cơ sở quy định:

- Khoản 2 Điều 8, Thông tư số 55/2023/TT-BTC:

“Chi tối đa 100% chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng, vùng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) cho các cá nhân tổ chức. Ưu tiên cấp mã vùng trồng cho vùng sản xuất đã được đánh giá chứng nhận vùng trồng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) và nông nghiệp hữu cơ; hỗ trợ truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh. Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, điều kiện, thực tế của từng dự án, mô hình, kế hoạch, phương án, địa phương, quy định chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và quy định tại Thông tư này, cơ quan phê duyệt dự án, mô hình, kế hoạch, phương án tại địa phương quyết định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án, mô hình, kế hoạch, phương án nhưng



không vượt định mức hỗ trợ đã được HĐND cấp tỉnh quyết định.”

- Dòng thứ 14, Bảng 1, mục II Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của HĐND tỉnh quy định:

Mức hỗ trợ “Phát triển kinh tế nông thôn, phát triển sản xuất liên kết chuỗi, truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh, chứng nhận VietGAP (hoặc chứng chỉ tương đương), gần mã vùng trồng 80% tổng kinh phí cho một (01) dự án trên địa bàn các xã thuộc địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi; 70% tổng kinh phí cho một (01) dự án trên địa bàn các xã còn lại”.

4. Chi hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp

a) Nội dung hỗ trợ

- Đối với trồng trọt và lâm nghiệp, gồm: Máy, thiết bị phục vụ các khâu làm đất, gieo trồng, chăm sóc, tưới tiêu, thu hoạch, sơ chế, bảo quản, chế biến sau thu hoạch.

- Đối với chăn nuôi và thủy sản, gồm: Máy, thiết bị phục vụ cho chăn nuôi theo hình thức bán công nghiệp, công nghiệp; hệ thống cung cấp thức ăn, nước uống tự động, làm mát chuồng trại, sơ chế, chế biến thức ăn, vệ sinh chuồng trại, xử lý chất thải chăn nuôi và phân bón cho cây trồng.

b) Mức hỗ trợ

50% tổng kinh phí cho 01 cơ sở, tổ chức, cá nhân theo quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Lý do, cơ sở quy định:

- Điều 86 Thông tư số 55/2023/TT-BTC:

“Điều 86. Chi hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại

Nội dung cụ thể thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương tối đa không quá 50% tổng kinh phí hỗ trợ cho một (01) cơ sở, tổ chức, cá nhân theo quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao. Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, điều kiện, thực tế của từng dự án, mô hình, kế hoạch, phương án, địa phương, quy định chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và quy định tại Thông tư này, cơ quan phê duyệt dự án, mô hình, kế hoạch, phương án tại địa phương quyết định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án, mô hình, kế hoạch, phương án nhưng không vượt định mức hỗ trợ đã được HĐND cấp tỉnh quyết định.”

5. Hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền

a) Nội dung hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn

- Định hướng, bố trí và tổ chức không gian lãnh thổ các khu du lịch, điểm du lịch nông thôn phù hợp với tiềm năng phát triển du lịch và đảm bảo kết nối với các tuyến du lịch trọng điểm của vùng, địa phương. Mức hỗ trợ 70% tổng kinh phí

được cấp có thẩm quyền phê duyệt/01 điểm du lịch.

- Hỗ trợ cảnh quan kiến trúc và môi trường trong không gian điểm du lịch vừa bảo tồn bản sắc truyền thống vừa đảm bảo điều kiện vệ sinh, thuận tiện, sinh thái. Mức hỗ trợ 70% tổng kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Hỗ trợ các điểm, trung tâm trưng bày, giới thiệu và bán sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm làng nghề truyền thống, đồ lưu niệm đạt chất lượng phục vụ khách du lịch. Mức hỗ trợ 50% chi phí xây dựng theo dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Hỗ trợ dịch vụ (*điểm dừng nghỉ, điểm trưng bày sản phẩm đặc sản, nông sản địa phương, ăn uống, giải khát, vệ sinh...*) dọc theo các tuyến đường giao thông gần với điểm du lịch với khoảng cách hợp lý. Mức hỗ trợ 70% dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt/01 điểm.

- Hỗ trợ hoàn thiện (*nhà vệ sinh, điểm và bãi đỗ xe, thu gom và xử lý rác thải, nước thải*) tại các điểm du lịch, phù hợp với nhu cầu của khách du lịch, đảm bảo hài hòa với không gian, cảnh quan gần với đặc trưng văn hóa vùng miền. Mức hỗ trợ 70% dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Nội dung hỗ trợ phát triển sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền

- Tập trung phát triển sản phẩm du lịch có chất lượng, đa dạng, khác biệt, gắn với bản sắc, đặc trưng vùng miền, có tính trải nghiệm và giá trị gia tăng cao, theo định hướng của thị trường và phù hợp với nhu cầu của từng đối tượng du khách (*theo khách quốc tế, nội địa; theo độ tuổi*); đa dạng hóa sản phẩm, chú trọng phát triển sản phẩm mới, có tính cạnh tranh cao, bắt kịp với xu hướng và thị hiếu của khách du lịch. Mức hỗ trợ 70% dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt/01 sản phẩm du lịch.

- Hỗ trợ hoàn thiện các cơ sở lưu trú homestay (hình thức lưu trú tại nhà dân) và các công trình dịch vụ đảm bảo chất lượng dịch vụ, hạn chế tác động đến môi trường. Mức hỗ trợ 70% dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt/01 cơ sở.

- Hỗ trợ bảo tồn, phục dựng và phát triển các làng nghề, nghề, ẩm thực, trang phục truyền thống và hoạt động nông nghiệp, loại hình biểu diễn văn hóa, thể thao; phục dựng mô hình sản xuất các sản phẩm đặc sản, truyền thống để phục vụ khách du lịch thông qua các trải nghiệm thực tế. Mức hỗ trợ theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Hỗ trợ nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người dân tộc thiểu số trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng, truyền dạy những người kế cận: Hỗ trợ nghệ nhân ưu tú 800.000 đồng/ngày, nghệ nhân nhân dân 1.000.000 đồng/ngày. Chi thù lao cho nghệ nhân, người thực hành (am hiểu về văn hóa truyền thống, có khả năng hướng dẫn, truyền dạy trong cộng đồng) tham gia hướng dẫn, tập huấn, truyền dạy: 300.000 đồng/người/buổi. Số ngày hỗ trợ theo quyết định của cơ quan được giao nhiệm vụ



và hướng dẫn chuyên môn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (nếu có); đảm bảo trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

- Xây dựng và số hóa thông tin, tài liệu thuyết minh về các di tích văn hóa, lịch sử, điểm du lịch sinh thái và làng nghề truyền thống gắn với du lịch nông thôn. Mức hỗ trợ theo dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt/01 điểm du lịch, sản phẩm du lịch.

Lý do, cơ sở quy định: Điều 94. Chi thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới, quy định:

“1. Đối tượng, phạm vi, nội dung thực hiện theo quy định tại Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT.

2. Nội dung chi và mức chi:

a) Chi hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền. Nội dung cụ thể thực hiện theo Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT. Tùy thuộc điều kiện thực tế về tài nguyên du lịch của từng địa phương theo quy định của Luật Du lịch và các văn bản hướng dẫn, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan Trung ương (đối với các nhiệm vụ do Trung ương thực hiện), UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp (đối với các nhiệm vụ do địa phương thực hiện) quyết định nội dung, mức hỗ trợ cụ thể đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao”.

6. Hỗ trợ điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP

Mức hỗ trợ 50% tổng kinh phí xây dựng điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Lý do, cơ sở quy định:

Điểm đ khoản 2 Điều 87 Thông tư số 55/2023/TT-BTC:

“đ) Chi hỗ trợ điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Mức hỗ trợ tối đa từ ngân sách Trung ương không quá 50% tổng kinh phí xây dựng điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, điều kiện, thực tế của từng nhiệm vụ, địa phương, khả năng ngân sách, quy định chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và quy định tại Thông tư này, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định mức hỗ trợ cụ thể (đối với nhiệm vụ hỗ trợ do trung ương thực hiện); cơ quan phê duyệt nhiệm vụ (đối với nhiệm vụ hỗ trợ do địa phương thực hiện) quyết định mức hỗ trợ cụ thể nhưng không vượt định mức hỗ trợ đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định”

7. Chi tổ chức các hoạt động hỗ trợ xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp

Mức hỗ trợ: 20 triệu đồng cho 01 Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Lý do, cơ sở quy định:

Điểm a khoản 1 Điều 116 Thông tư số 55/2023/TT-BTC:

“Điều 116. Chi triển khai Phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; xây dựng các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự” và “5 cùng”.

1. Chi tổ chức các hoạt động hỗ trợ xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Chi hội, Tổ hội nghề nghiệp theo hướng dẫn của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam

a) Mức hỗ trợ

Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, điều kiện, thực tế của từng mô hình, quy định chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và quy định tại Thông tư này, thủ trưởng cơ quan Trung ương quyết định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) mô hình (đối với mô hình do trung ương thực hiện); cơ quan phê duyệt mô hình (đối với mô hình do địa phương thực hiện) quyết định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) mô hình nhưng không vượt định mức hỗ trợ đã được HĐND cấp tỉnh quyết định”.

8. Chi hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, mô hình đối với Chương trình MTQG XDNTM (không bao gồm các dự án, kế hoạch, phương án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất)

Mức hỗ trợ: 70% kinh phí đối với huyện miền núi, 50% đối với các huyện còn lại để thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Lý do, cơ sở quy định:

Khoản 12 Điều 4 Thông tư số 55/2023/TT-BTC quy định:

“12. Chi hỗ trợ từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, mô hình (không bao gồm các dự án, kế hoạch, phương án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất): Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách Trung ương tối đa không quá 70% kinh phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình được phê duyệt đối với các huyện miền núi, không quá 50% kinh phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình được phê duyệt đối với các huyện còn lại.

Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, điều kiện thực tế của từng dự án, kế hoạch, phương án, mô hình, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và quy định tại Thông tư này, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan Trung ương quyết định mức hỗ trợ thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình do Trung ương thực hiện; cơ quan phê duyệt dự án, kế hoạch, phương án, mô hình do địa phương thực hiện

quyết định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình nhưng **không vượt định mức hỗ trợ đã được HĐND cấp tỉnh quyết định.**"

9. Hỗ trợ nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở từ ngân sách địa phương tại các xã nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu

Mức hỗ trợ: Theo quy định tại Điều 100 Thông tư số 55/2023/TT-BTC.

Lý do, cơ sở quy định:

Điểm a khoản 1 Điều 116 Thông tư số 55/2023/TT-BTC:

"- Điều 100. Chi nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở:

1. Chi hỗ trợ mua sắm thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao tại các Trung tâm Văn hóa, Thể thao cấp xã, Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của địa phương và hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và theo quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương tối đa như sau:

- Trung tâm Văn hóa, Thể thao cấp xã: 80 triệu đồng/thiết chế;
- Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn: 30 triệu đồng/thiết chế;

2. Chi hỗ trợ xây dựng tủ sách cho Trung tâm Văn hóa, Thể thao cấp xã, Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn theo hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và theo quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách Trung ương tối đa như sau:

- Tủ sách xã: 30 triệu đồng/01 tủ sách.
- Tủ sách thôn: 20 triệu đồng/tủ sách.

3. Chi hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với thiết chế văn hóa, thể thao xã, thôn và hỗ trợ kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã, thôn theo hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Mức hỗ trợ theo quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tối đa:

- Trung tâm Văn hóa, Thể thao xã: Kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã là 50 triệu đồng/01 năm;
- Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn: Kinh phí tổ chức giải thể thao cấp thôn là 30 triệu đồng/01 năm."

Trong khi đó, khoản 4 Điều 3 Quyết định 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 quy định:

"4. Hỗ trợ các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí nông thôn mới đã đạt chuẩn nhưng mức đạt chuẩn của một số chỉ tiêu còn chưa cao để nâng cao chất lượng các tiêu chí và bảo đảm bền vững. Các tỉnh chủ động cân



đối nguồn vốn ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp để thực hiện mục tiêu đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu.”

Mặt khác, khoản 2 Điều 127, Thông tư số 55/2023/TT-BTC quy định:

"2. Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương và tình hình thực tế, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền nội dung, mức hỗ trợ từ nguồn vốn đối ứng của ngân sách địa phương để hỗ trợ thêm cùng với nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ theo quy định tại Thông tư này đảm bảo thực hiện có hiệu quả các chương trình.

Trường hợp trong quá trình triển khai thực hiện các chương trình có phát sinh các khoản chi đặc thù chưa được quy định trong các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và Thông tư này, HĐND cấp tỉnh xem xét, quyết định phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước”.

Do vậy, cần có quy định này để các xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu sử dụng ngân sách địa phương trong việc hoàn thành tiêu chí văn hóa.

Điều 3. Nguồn vốn thực hiện

Nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện; giao Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, các Tổ đại biểu HĐND tỉnh và các đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện.

2. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số nội dung, mức hỗ trợ từ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Bình Phước khóa X, Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2025 và có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2025”.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT

Nguồn vốn đảm bảo thi hành Nghị quyết được bố trí trong tổng nguồn vốn sự nghiệp nông thôn mới giai đoạn 2022-2024 (được kéo dài sang năm 2025) và nguồn vốn năm 2025 được bố trí mới là 51.619 triệu đồng (bao gồm Trung ương hỗ trợ 36.619 triệu đồng; ngân sách tỉnh đối ứng 15.000 triệu đồng).



VII. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN

Không có.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung, mức hỗ trợ từ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Phước, UBND tỉnh xin kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

(Xin gửi kèm theo: Dự thảo Nghị quyết và các văn bản có liên quan)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTTU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Thành viên BCĐ các CTMTQG tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, P. KT, TH;
- Lưu: VT (NN-110/02).



Trần Tuệ Hiền



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số **2025/NQ-HĐND**

Bình Phước, ngày tháng năm 2025

(DỰ THẢO)

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ từ nguồn vốn sự nghiệp
thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới
trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ ...**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015.

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019.*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015.*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020.*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015.

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước.*

*Căn cứ Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của
Chính phủ quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên
tiên, tiết kiệm nước.*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của
Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục
tiêu quốc gia.*

*Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày
19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện
các Chương trình mục tiêu quốc gia.*

*Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội
dung thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai
đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát
triển nông thôn.*

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ Thông tư số 75/2024/TT-BTC ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ Thông tư số 07/2024/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ Quyết định số 858/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông, lâm, thủy sản đến năm 2030.

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh, giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm /2022 của HĐND tỉnh quy định về mức hỗ trợ và nguồn vốn ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Căn cứ Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Điều 1 và Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về mức hỗ trợ và nguồn vốn ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày ... tháng... năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số..... BC/HĐND-KTNS ngày..... tháng năm 2025

của Ban Kinh tế ngân sách - Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định cụ thể một số nội dung, mức hỗ trợ từ nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (MTQG XDNTM) trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

b) Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo Thông tư số 55/2023/TT-BTC, Thông tư số 75/2024/TT-BTC, các văn bản liên quan của các Bộ, ngành ban hành và theo các nội dung quy định của Chương trình MTQG XDNTM giai đoạn 2021-2025.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng, quyết toán và thụ hưởng nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG XDNTM.

Điều 2. Nội dung và mức hỗ trợ

1. Chi hỗ trợ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước

a) Nội dung và mức hỗ trợ

- Hỗ trợ 50% chi phí vật liệu, máy thi công và thiết bị để đầu tư xây dựng, lắp đặt hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn, mức hỗ trợ không quá 40 triệu đồng/ha.

- Hỗ trợ 50% chi phí để san phẳng đồng ruộng, mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/ha.

b) Điều kiện hỗ trợ

Tổ chức, cá nhân phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Đối với cá nhân: Quy mô khu tưới phải đạt từ 0,3 ha trở lên, riêng khu vực miền núi từ 0,1 ha trở lên; việc hỗ trợ cho cá nhân được thông qua hợp tác xã, tổ hợp tác có hoạt động dịch vụ thủy lợi;

- Đối với hợp tác xã, tổ hợp tác có hoạt động dịch vụ thủy lợi: Quy mô khu tưới phải đạt từ 02 ha trở lên, riêng khu vực miền núi từ 01 ha trở lên và phải có hợp đồng liên kết với hộ gia đình hoặc cá nhân trực tiếp sản xuất;

- Hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước phục vụ các loại cây trồng chủ lực của tỉnh, địa phương.

2. Chi hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, thôn, ấp; mô hình thu gom, tái chế, tái sử dụng chất thải hữu cơ, chất thải nông nghiệp, phụ phẩm nông nghiệp, chất thải nhựa và mô hình phân loại chất thải rắn tại nguồn ở nông thôn

a) Nội dung hỗ trợ

Thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 07/2024/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

b) Mức hỗ trợ: 70% kinh phí thực hiện được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với huyện miền núi, 50% đối với các huyện còn lại.

3. Chi hỗ trợ xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, chuyển đổi cơ cấu sản xuất góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp

a) Nội dung hỗ trợ

- Tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng, vùng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) hoặc tương đương; Hỗ trợ truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của tỉnh. Ưu tiên cấp mã vùng trồng cho vùng sản xuất đã được đánh giá chứng nhận vùng trồng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) và nông nghiệp hữu cơ.

- Mức hỗ trợ: 100% chi phí cho cá nhân, tổ chức.

b) Nội dung hỗ trợ

- Chứng nhận vùng trồng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) hoặc tương đương; hệ thống phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn (HACCP), hệ thống quản lý ISO 22000 theo chuỗi giá trị.

- Mức hỗ trợ: 80% tổng kinh phí cho một (01) dự án trên địa bàn các xã thuộc địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi; 70% tổng kinh phí cho một (01) dự án trên địa bàn các xã còn lại được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Chi hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp

a) Nội dung hỗ trợ

- Đối với trồng trọt và lâm nghiệp, gồm: Máy, thiết bị phục vụ các khâu làm đất, gieo trồng, chăm sóc, tưới tiêu, thu hoạch, sơ chế, bảo quản, chế biến sau thu hoạch.

- Đối với chăn nuôi và thủy sản, gồm: Máy, thiết bị phục vụ cho chăn nuôi theo hình thức bán công nghiệp, công nghiệp; hệ thống cung cấp thức ăn, nước uống tự động, làm mát chuồng trại, sơ chế, chế biến thức ăn, vệ sinh chuồng trại, xử lý chất thải chăn nuôi và phân bón cho cây trồng.

b) Mức hỗ trợ

50% tổng kinh phí cho 01 cơ sở, tổ chức, cá nhân theo quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền

a) Nội dung hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn

- Định hướng, bố trí và tổ chức không gian lãnh thổ các khu du lịch, điểm du lịch nông thôn phù hợp với tiềm năng phát triển du lịch và đảm bảo kết nối với các tuyến du lịch trọng điểm của vùng, địa phương. Mức hỗ trợ 70% tổng kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt/01 điểm du lịch.

- Hỗ trợ cảnh quan kiến trúc và môi trường trong không gian điểm du lịch vừa bảo tồn bản sắc truyền thống vừa đảm bảo điều kiện vệ sinh, thuận tiện, sinh thái. Mức hỗ trợ 70% tổng kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Hỗ trợ các điểm, trung tâm trưng bày, giới thiệu và bán sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm làng nghề truyền thống, đồ lưu niệm đạt chất lượng phục vụ khách du lịch. Mức hỗ trợ 50% chi phí xây dựng theo dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Hỗ trợ dịch vụ (*điểm dừng nghỉ, điểm trưng bày sản phẩm đặc sản, nông sản địa phương, ăn uống, giải khát, vệ sinh...*) dọc theo các tuyến đường giao thông gần với điểm du lịch với khoảng cách hợp lý. Mức hỗ trợ 70% dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt/01 điểm.

- Hỗ trợ hoàn thiện (*nhà vệ sinh, điểm và bãi đỗ xe, thu gom và xử lý rác thải, nước thải*) tại các điểm du lịch, phù hợp với nhu cầu của khách du lịch, đảm bảo hài hòa với không gian, cảnh quan gần với đặc trưng văn hóa vùng miền. Mức hỗ trợ 70% dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Nội dung hỗ trợ phát triển sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền

- Tập trung phát triển sản phẩm du lịch có chất lượng, đa dạng, khác biệt, gắn với bản sắc, đặc trưng vùng miền, có tính trải nghiệm và giá trị gia tăng cao, theo định hướng của thị trường và phù hợp với nhu cầu của từng đối tượng du khách (*theo khách quốc tế, nội địa; theo độ tuổi*); đa dạng hóa sản phẩm, chú trọng phát triển sản phẩm mới, có tính cạnh tranh cao, bắt kịp với xu hướng và thị hiếu của khách du lịch. Mức hỗ trợ 70% dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt/01 sản phẩm du lịch.

- Hỗ trợ hoàn thiện các cơ sở lưu trú homestay (hình thức lưu trú tại nhà dân) và các công trình dịch vụ đảm bảo chất lượng dịch vụ, hạn chế tác động đến môi trường. Mức hỗ trợ 70% dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt/01 cơ sở.

- Hỗ trợ bảo tồn, phục dựng và phát triển các làng nghề, nghề, ẩm thực, trang phục truyền thống và hoạt động nông nghiệp, loại hình biểu diễn văn hóa, thể thao; phục dựng mô hình sản xuất các sản phẩm đặc sản, truyền thống để

phục vụ khách du lịch thông qua các trải nghiệm thực tế. Mức hỗ trợ theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Hỗ trợ nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người dân tộc thiểu số trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng, truyền dạy những người kế cận: Hỗ trợ nghệ nhân ưu tú 800.000 đồng/ngày, nghệ nhân nhân dân 1.000.000 đồng/ngày. Chi thù lao cho nghệ nhân, người thực hành (am hiểu về văn hóa truyền thống, có khả năng hướng dẫn, truyền dạy trong cộng đồng) tham gia hướng dẫn, tập huấn, truyền dạy: 300.000 đồng/người/buổi. Số ngày hỗ trợ theo quyết định của cơ quan được giao nhiệm vụ và hướng dẫn chuyên môn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (nếu có); đảm bảo trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

- Xây dựng và số hóa thông tin, tài liệu thuyết minh về các di tích văn hóa, lịch sử, điểm du lịch sinh thái và làng nghề truyền thống gắn với du lịch nông thôn. Mức hỗ trợ theo dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt/01 điểm du lịch, sản phẩm du lịch.

6. Hỗ trợ điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP

Mức hỗ trợ 50% tổng kinh phí xây dựng điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7. Chi tổ chức các hoạt động hỗ trợ xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp

Mức hỗ trợ: 20 triệu đồng cho 01 Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

8. Chi hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, mô hình đối với Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (không bao gồm các dự án, kế hoạch, phương án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất)

Mức hỗ trợ: 70% kinh phí đối với huyện miền núi, 50% đối với các huyện còn lại để thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

9. Hỗ trợ nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở từ ngân sách địa phương tại các xã nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu

Mức hỗ trợ: Theo quy định tại Điều 100 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

Điều 3. Nguồn vốn thực hiện

Nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG XDNTM.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

2. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số nội dung, mức hỗ trợ từ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình MTQG XDNTM giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2025 và có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- LĐVP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- CV phòng TH, phòng HC-TC-QT;
- Cơ sở Dữ liệu quốc gia về pháp luật (Sở Tư pháp);
- TT. Phục vụ hành chính công, Website Bình Phước;
- Tổ đại biểu HĐND tỉnh;
- Đài PT-TH và Báo Bình Phước;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH